TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HC-PT
Ngày: 09/01/2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 687/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 9 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 209/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15064/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà B, ngõ B đường T, tổ dân phố P, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956; đại chỉ: Số D, tổ dân phố T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Ông Lê Đắc M, sinh năm 1974; địa chỉ: Số E, ngõ A phố C, tổ dân phố L, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Đức T, chức vụ: Phó Chủ tịch (văn bản ủy quyền số 157/GUQ-UBND ngày 24/10/2023 của Chủ tịch UBND

thành phố H). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B, chức vụ: Phó Chủ tịch (văn bản ủy quyền số 24/GUQ-UBND ngày 18/10/2023 của Quyền Chủ tịch UBND quận N). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

- Ủy ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Viết H1, chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thực hiện Dự án Xây dựng tuyến đường T đến đường G kéo dài từ làng V, quận H đến tổ dân phố T phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội *(sau đây viết tắt là Dự án)*, gia đình bà bị thu hồi 149m^2 đất nông nghiệp, trong đó có 28m^2 thuộc thửa đất số 601 và 121m^2 thuộc thửa đất số 298, tờ bản đồ số 17. Sau khi điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tổng số tiền bà được nhận là 155.664.000 đồng. Gia đình bà chưa đồng ý với việc thu hồi đất vì dự án không phải là được Bộ G chấp thuận, mang lợi ích nhóm, việc bồi thường chưa thỏa đáng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Ngày 27/12/2021, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy:

- Quyết định số 4158/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND quận N về việc thu hồi đất *(sau đây viết tắt là Quyết định số 4158).*

- Quyết định số 4170/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND quận N về việc phê duyệt PABTHT&TĐC *(sau đây viết tắt là Quyết định số 4170).*

- Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của Chủ tịch UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất *(sau đây viết tắt là Quyết định số 152)*.

- Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu *(sau đây viết tắt là Quyết định số 1721).*

- Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết nại lần hai *(sau đây viết tắt là Quyết định số 2221).*

- Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung *(sau đây viết tắt là Quyết định số 2284).*

- Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại *(sau đây viết tắt là Quyết định số 2594)*.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày: Chủ tịch UBND thành phố H vẫn giữ nguyên quan điểm tại Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 01/06/2020 về việc giải quyết nại *(lần hai)* và xin được giải quyết vắng mặt.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND và Chủ tịch UBND quận N thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:

Dự án thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 13/9/2016, UBND quận N đã ban hành Thông báo số 448/TB-UBND về việc về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị T1 bị thu hồi 149m^2 đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(sau đây viết tắt là GCNQSD đất),* trong đó thu hồi 28m^2 đất thuộc thửa đất số 601 và 121m^2 đất thuộc thửa đất số 298, tờ bản đồ số 17, tỷ lệ 1/1000 đo vẽ năm 1992 tại phường Đ.

Ngày 22/10/2016, bà Nguyễn Thị H (đại diện hộ gia đình bà Nguyễn Thị T1 do bà T1 đã chết) phối hợp với Tổ công tác lập Biên bản số 74/BB-TCT điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất.

Ngày 24/10/2016, UBND phường Đ lập Giấy xác nhận số 74/UBND-ĐC về nguồn gốc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, về nhân khẩu, hộ gia đình.

Ngày 30/11/2016, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án đã ban hành Thông báo số 725/TB-HĐBTHT&TĐC lấy ý kiến dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết (đợt 1) từ ngày 30/11/2016, trong đó có bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H không đồng ý với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 19/7/2017, UBND quận N ban hành Quyết định số 4158 về việc thu hồi đất và Quyết định số 4170 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 40.023.400 đồng và giao các Quyết định cho bà H theo quy định. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H không đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng.

Ngày 10/01/2019, UBND quận N ban hành Quyết định số 152 về việc cưỡng chế thu hồi đất, Tổ công tác bàn giao Quyết định nêu trên cho bà Nguyễn Thị H theo quy định.

Ngày 21/01/2019, UBND quận N ban hành Quyết định số 272/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của dự án.

Ngày 23/01/2019, UBND quận N có Báo cáo số 20/BC-UBND gửi Ban Thường vụ Quận ủy Nam Từ Liêm, Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng quận N về việc đề nghị áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp tại dự án.

Ngày 15/02/2019, Quận ủy N có Văn bản số 1188-CV/QU về việc thống

nhất chủ trương tổ chức cưỡng chế thu hồi đất trên địa bàn phường Đ, quận N.

Ngày 03/4/2019, UBND quận N ban hành Quyết định số 1127/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thành viên Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 04/4/2019, B1 thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tổ chức buổi đối thoại để giải thích và thuyết phục các hộ gia đình chấp hành nhận tiền, bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H không đến tham dự buổi đối thoại mà không có lý do.

Ngày 09/4/2019, UBND quận N ban hành Thông báo số 308/TB-UBND về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 12/4/2019, UBND quận N đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp tại dự án (trong đó có bà Nguyễn Thị H) và đã tiến hành tạm bàn giao đất cho Chủ đầu tư để quản lý chống tái lấn chiếm.

Bà Nguyễn Thị H khiếu nại Quyết định số 4170 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với lý do đề nghị được hưởng khoản hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ đào tạo, chuyên đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất theo Điều 21, Điều 22 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H đối với diện tích bị thu hồi tại dự án.

Ngày 15/5/2018, UBND quận N ban hành Quyết định số 1721 giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị H có nội dung giữ nguyên Quyết định số 4170. Quá trình giải quyết đơn khiếu nại của UBND quận N đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Quyết định số 1721 của UBND quận N, bà Nguyễn Thị H (ủy quyền cho ông Lê Đắc M và bà Nguyễn Thị C) tiếp tục khiếu nại lần thứ hai lên UBND thành phố H.

Ngày 01/6/2020, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2221 giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị H (ủy quyền cho ông Lê Đắc M và bà Nguyễn Thị C1). Theo đó, UBND thành phố H giao UBND quận N:

- Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H *(đại diện hộ cụ Nguyên Thị T2)* theo hướng:

+ Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi 149m^2 đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường T đến đường G kéo dài.

+ Xem xét giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền đối với 02 kiến nghị của bà Nguyễn Thị H2: đề nghị tăng đơn giá bồi thường hỗ trợ lên 50%, cụ thể là 301.600 đồng/m^2 đất thay vì mức 201.600 đồng/m^2 đất và việc UBND quận N thực hiện thu hồi đất để triển khai dự án khi chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đề nghị Chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá đất

với người có đất bị thu hồi.

Thực hiện Quyết định số 2221 của Chủ tịch UBND thành phố H, UBND quận N đã ban hành:

- Quyết định số 2284 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung đối với bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền là 155.664.000 đồng. Ngày 30/3/2022, bà Nguyễn Thị H đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng

- Quyết định số 2594 giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H (ủy quyền cho ông Lê Đắc M và bà Nguyễn Thị C) có nội dung giữ nguyên Quyết định số 4158 về việc thu hồi đất và Quyết định số 4170 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; trừ khoản hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố H.

Như vậy, UBND quận N đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục thu hồi đất GPMB, giải quyết khiếu nại đối với hộ gia đình theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật; đồng thời UBND quận N đã tổ chức thực hiện các nội dung tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của UBND thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền là UBND phường Đ trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 601, tờ bản đồ số 17, diện tích 28m^2, loại đất sản xuất nông nghiệp và thửa đất số 298 tờ bản đồ số 17, diện tích 121m^2, loại đất sản xuất nông nghiệp đã được UBND huyện T giao đất và cấp GCNQSD đất số 0094 ngày 14/8/1997 cho bà Nguyễn Thị T1 (bà T1 là mẹ bà Nguyễn Thị H). Năm 2008, bà T1 đã làm Hợp đồng tặng cho số 946 cho bà Nguyễn Thị H (chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Quá trình bà T1, bà H sử dụng trồng rau muống không có tranh chấp gì.

Theo Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 74/UBND-ĐC ngày 24/10/2016, UBND phường Đ xác định số hộ khẩu 01, số nhân khẩu 02 người, trong đó (01 khẩu phụ), số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 01 người (bà H). Khẩu giao đất theo NĐ 64/CP là bà Nguyễn Thị T1, diện tích đất nông nghiệp được giao là 149m^2 (diện tích trong hạn mức là 112m^2, ngoài hạn mức là 37m^2).

Kết quả tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, ông M và bà C đại diện ủy quyền của bà Nguyễn Thị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của bà H đồng thời yêu cầu UBND quận N phải tính lãi khoản tiền 155.664.000 đồng mà bà H được phê duyệt bổ sung với số lãi là 20% năm tính từ tháng 9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện thông qua đại diện theo ủy quyền đã rút yêu cầu khởi kiện này.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 209/2022/HC-ST ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/12/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 3/10/2013 của Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại; Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1, khoản 6 Điều 32 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy:

- Quyết định số 4158/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND quận N về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 4170/QĐ-UBND ngày 19/7/2017 của UBND quận N vê việc phê duyệt PABTHT&TĐC.

- Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại.

- Quyết định sổ 152/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của Chủ tịch UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 01/06/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết nại *(lần hai).*

- Quyết định số 2284/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND quận N về việc phê duyệt PABTHT bổ sung.

- Quyết định số 2594/QD-UBND ngày 20/8/2021 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà H về buộc UBND quận N phải trả cho bà khoản tiền lãi của số tiền 155.664.000 đồng mà bà H được phê duyệt bổ sung với số lãi là 20% năm tính từ tháng 9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/9/2022, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H thông qua đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị C, ông Lê Đắc M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy toàn bộ các quyết định hành chính bị khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H thông qua đại diện theo ủy quyền; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu hủy: Quyết định số 4158 của UBND quận N về việc thu hồi đất; Quyết định số 4170 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 152 của Chủ tịch UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 1721 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H; Quyết định số 2221 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết nại (*lần hai*); Quyết định số 2284 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung; Quyết định số 2594 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H. Đây là các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng có mặt đại diện theo ủy quyền; người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố H, Chủ tịch và UBND quận N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường T vắng mặt không rõ lý do nhưng đã được triệu tập hợp lệ 02 lần, xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện, căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H thông qua đại diện theo ủy quyền, HĐXX thấy:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 4158 về việc thu hồi đất; Quyết định số 4170 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND quận N:

- *Về thẩm quyền ban hành:*

UBND quận N ban hành Quyết định số 4158, Quyết định số 4170 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 28; Điều 49 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H quy định về Bảng giá đất.

- *Về trình tự, thủ tục ban hành:*

Trên cơ sở Thông báo số 448/TB-UBND ngày 13/9/2016 về việc về việc thu hồi đất; Biên bản số 74/BB-CT ngày 22/10/2016 về điều tra, kiểm đếm của tổ công tác; Giấy xác nhận số 74/UBND-DC ngày 24/10/2016 của UBND phường Đ về nguồn gốc đất, nhân hộ khẩu; Biên bản thẩm định ngày 4/5/2017 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, cùng ngày 19/7/2017, UBND quận N ban hành Quyết định thu hồi đất số 4158; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 4170 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 16; Điều 62; Điều 63; Điều 66; Điều 67; Điều 69 và Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính phủ.

- *Về nội dung:*

Nguồn gốc thửa đất số 601, tờ bản đồ số 17, diện tích 28m^2, loại đất sản xuất nông nghiệp và thửa đất số 298 tờ bản đồ số 17 diện tích 121m^2 loại đất sản xuất nông nghiệp, tổng cộng là 149m^2 đã được UBND huyện T giao đất và cấp GCNQSD đất cho bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị H). Năm 2008, bà T1 đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H nhưng chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền). Theo Biên bản số 74/BB-TCT ngày 22/10/2016 về việc đo đạc, kiểm đếm thì hai thửa đất này bà đang trồng rau muống, tại thửa số 298 có một bể phốt.

Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 74/UBND-ĐC ngày 24/10/2016 của UBND phường Đ thể hiện: Số hộ khẩu: 01; số nhân khẩu: 02 người, trong đó (01 khẩu phụ); số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp: 01 người (bà H). Khẩu giao đất theo Nghị định số 64/CP là bà Nguyễn Thị T1, diện tích đất nông nghiệp được giao là 149m^2 (diện tích trong hạn mức là 112m^2, ngoài hạn mức là 37m^2).

Ngày 20/4/1996, trước thời điểm xã Đ giao đất, bà Nguyễn Thị H chuyển khẩu về nhà chồng tại xã T và được giao đất cùng chồng là hộ ông Từ Mạnh B2 (04 khẩu trong đó có bà H); diện tích đất được giao là 1.720m^2, đã được cấp GCNQSD đất với diện tích 1.777m^2, thừa so với phương án là 57m^2.

Quyết định số 4170 của UBND quận N đã phê duyệt cho hộ bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền: 40.023.400 đồng (bao gồm bồi thường về đất là 149m^2 x 201.600 đồng = 30.038.400 đồng, bồi thường về cây cối hoa màu *(rau muống)* 100% = 3.150.000 đồng, Bồi thường bể phốt 4m^3 x 3.194.000 đồng x 50% = 6.388.000 đồng *(xây trước ngày 01/7/2004),* không hỗ trợ về chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, không hỗ trợ về ổn định đời sống, lý do nhân khẩu được giao đất nay đã chết.

Xét thấy các khoản bồi thường về đất, bồi thường về tài sản trên đất thì UBND quận N đã phê duyệt cho hộ bà H là đúng quy định. Tuy nhiên, do bà H đã được mẹ là bà T1 tặng cho diện tích đất nông nghiệp trên từ năm 2008, hợp đồng tặng cho lập tại phòng Công chứng. Thời điểm thông báo thu hồi đất năm 2016 thì UBND phường Đ xác nhận bà Nguyễn Thị H đang trồng rau muống chuyên canh. Do đó bà Nguyễn Thị H phải được hưởng hỗ trợ chuyển đổi nghề

và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/7/2017 của Chính phủ mới phù hợp. Việc UBND quận không hỗ trợ cho bà H khoản này là chưa đúng quy định pháp luật. Mặc dù vậy, tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND thành phố H đối với khiếu nại của bà H đã giao UBND quận N phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H đối với nội dung này.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 152 của Chủ tịch UBND quận N về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Sau khi nhận được Quyết định thu hồi đất số 4158, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 4170, bà Nguyễn Thị H không đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và không bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án nên Chủ tịch UBND quận N ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 152, cụ thể:

Ngày 21/01/2019, UBND quận N ban hành Quyết định số 272/QĐ-UBND về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất của dự án.

Ngày 23/01/2019, UBND quận N có Báo cáo số 20/BC-UBND gửi Ban Thường vụ Quận ủy Nam Từ Liêm, Ban chỉ đạo GPMB quận N về việc đề nghị áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp tại dự án.

Ngày 15/02/2019, Quận ủy N có Văn bản số 1188-CV/QU về việc thống nhất chủ trương tổ chức cưỡng chế thu hồi đất trên địa bàn phường Đ, quận N.

Ngày 03/4/2019, UBND quận N ban hành Quyết định số 1127/QĐ-UBND về việc điều chỉnh thành viên Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 04/4/2019, B1 thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tổ chức buổi đối thoại để giải thích và thuyết phục các hộ gia đình chấp hành nhận tiền, bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H không đến tham dự buổi đối thoại, không có lý do.

Ngày 09/4/2019, UBND quận N ban hành Thông báo số 308/TB-UBND về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thi hành Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án.

Ngày 12/4/2019, UBND quận N đã tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp tại dự án (trong đó có bà Nguyễn Thị H) và đã tiến hành tạm bàn giao đất cho Chủ đầu tư để quản lý chống tái lấn chiếm.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 152 là đúng thẩm quyền, đảm bảo về trình tự, thủ tục và phù hợp về nội dung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69, khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.3]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1721 của Chủ tịch UBND

quận N về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu); Quyết định số 2221 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết nại (lần hai):

- *Về thẩm quyền ban hành:*

Căn cứ Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18; Điều 21 Luật Khiếu nại; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Quyết định số 80/2014/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND thành phố H ban hành Quy định về giải quyết khiếu nại và giải quyết khiếu nại thuộc thành phố Hà Nội thì Chủ tịch UBND quận N ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị H là đúng thẩm quyền.

- *Về trình tự, thủ tục ban hành:*

Bà Nguyễn Thị H khiếu nại Quyết định số 4170 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Trên cơ sở Báo cáo số 75/BC-TTPTQĐ ngày 10/5/2018 của Trung tâm phát triển quỹ đất quận N; Báo cáo số 341/BC-TTTP(VP) ngày 21/1/2020 của Thanh Tra thành phố Hà Nội thì Chủ tịch UBND quận N thì Chủ tịch UBND quận N ban hành Quyết định số 1721 và Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2221 là đảm bảo về trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 38, Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Quyết định số 80/2014/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND thành phố H ban hành Quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại thuộc thành phố Hà Nội.

- *Về nội dung:*

Như phân tích tại phần [2.1], bà Nguyễn Thị H là đối tượng được hưởng khoản hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi 149m^2 đất nông nghiệp mà cụ Nguyễn Thị T1 được giao theo NĐ 64/CP đã tặng cho bà Nguyễn Thị H. Nên bà H khiếu nại nội dung này là có cơ sở chấp nhận. Quyết định số 1721/QD-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại có nội dung không có cơ sở để xem xét giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H và giữ nguyên nội dung Quyết định số 4170 của UBND quận N về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết là chưa phù hợp quy định pháp luật đối với khoản hỗ trợ ổn định đời sống; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Không đồng ý với Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Chủ tịch UBND quận N bà Nguyễn Thị H khiếu nại tiếp đến UBND thành phố H. Căn cứ Quyết định số 5774/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND thành phố H về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, ngày 5/11/2019

Chánh thành tra thành phố ban hành Quyết định số 5258/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 11/11/2019, Thanh tra thành phố đã lập Biên bản làm việc, xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị H. Trên cơ sở báo cáo của Thanh tra thành phố, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2221 về việc giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung giao UBND quận N: Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H theo hướng: hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi 149m^2 đất để thực hiện dự án; đồng thời yêu cầu Chủ tịch UBND quận N xem xét, giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền đối với 02 kiến nghị của bà Nguyễn Thị H: Đề nghị tăng đơn giá bồi thường hỗ trợ lên 50%, cụ thể là 301.600 đồng/m^2 đất thay vì mức 201.600 đồng/m^2 đất và việc UBND quận N thực hiện thu hồi đất để triển khai dự án khi chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đề nghị Chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá đất với người có đất bị thu hồi là phù hợp quy định pháp luật.

[2.4]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2284 của UBND quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung:

- *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:* Như đã nêu ở phần [2.1], UBND quận N ban hành Quyết định số 4158 về việc thu hồi đất; Quyết định số 4170 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; Trên cơ sở Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND thành phố H, căn cứ vào Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về bảng giá đất trên địa bàn thành phố Hà Nội từ ngày 1/1/2020 đến 31/12/2024; Thông báo số 239/TB-UBND ngày 18/5/2021 của UBND quận N về việc áp dụng giá đất nông nghiệp là cơ sở tính tiền bồi thường khu thực hiện dự án thu hồi đất; biên bản thẩm định ngày 30/6/2021 của HĐBT hỗ trợ tái định cư; Căn cứ tờ trình số 71/TTr ngày 26/7/2021 của HĐBT hỗ trợ thì việc UBND quận N ban hành Quyết dịnh số 2284 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

- *Về nội dung:*

Căn cứ quy định tại Điều 22 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư thì:

- Khoản hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được xác định như sau: Đơn giá 201.600 đồng/m^2 x 5 lần x 149m^2 x 100% = 150.192.000 đồng;

Căn cứ quy định tại Điều 21 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư thì:

- Khoản hỗ trợ ổn định đời sống được xác định như sau: Mức hỗ trợ 12 tháng x 30 kg gạo x 15.200/kg gạo = 5.472.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà H được phê duyệt bồi thường, hỗ trợ bổ sung là

155.664.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Đến ngày 30/3/2022, bà Nguyễn Thị H đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

[2.5]. *Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2594 của Chủ tịch UBND quận N về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu):*

- Về thẩm quyền ban hành:

Căn cứ Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Luật Khiếu nại; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Quyết định số 80/2014/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND thành phố H ban hành Quy định về giải quyết khiếu nại và giải quyết khiếu nại thuộc thành phố Hà Nội thì Chủ tịch UBND quận N ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục ban hành:

Căn cứ Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 11/8/2021; Thông báo số 223/TB-UBND ngày 10/5/2021 của UBND quận N về việc phàn công nhiệm vụ công tác; Biên bản đối thoại ngày 8/7/2021 thì Chú lịch UBND quận N ban hành Quyết định số 2594 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục.

- Về nội dung:

Tại Quyết định số 2221 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị h có nội dung giao cho UBND quận N: "*Xem xét, giải quyết theo thẩm quyền đối với 02 kiến nghị của bà Nguyễn Thị H: Đề nghị tăng đơn giá bồi thường hỗ trợ lên 50%, cụ thể là 301.600 đồng/m^2 đất thay vì mức 201.600 đồng/m^2 đất và việc UBND quận N thực hiện thu hồi đất để triển khai dự án khi chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đề nghị Chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá đất với người có đất bị thu hồi".*

Dự án Xây dựng tuyến đường từ đường T đến đường G kéo dài (từ làng V, quận H đến tổ dân phố T), phường Đ, quận N được Hội đồng nhân dân thành phố H thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất năm 2016 tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 02/12/2015 phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất hàng năm quận N, đã được UBND thành phố H phê duyệt tại các Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 19/4/2016; Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 03/01/2017. Do đó, dự án thuộc trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, người khởi kiện đề nghị Chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá đất là không có cơ sở.

Việc UBND quận N ban hành Quyết định số 4158 về việc thu hồi đất và Quyết định số 4170 về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị H, xác định diện tích 149m^2 đất nông nghiệp bị thu hồi của

hộ gia đình bà H có vị trí thuộc bờ T3 (bên hữu) sông N, theo bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H quy định về Bảng giá đất là 201.600 đồng/m^2 để tính tiền bồi thường là đúng quy định pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H thông qua đại diện theo ủy quyền không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là có căn cứ, do đó, HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 209/2022/HC-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp (thông qua đại diện theo ủy quyền là ông Lê Đắc M) tại biên lai số 0001973 ngày 25/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Xác nhận bà Nguyễn Thị H đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND thành phố Hà Nội;*
- *Cục THADS thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự (theo đ/c);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển